

Số: 1284/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Bộ định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1886/BXD-KTXD ngày 16 tháng 8 năm 2017 về ý kiến đối với định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của Hội đồng xây dựng định mức lao động kỹ thuật thành phố tại Tờ trình số 27426/TTr-HĐXDĐMLĐKT ngày 02 tháng 11 năm 2016 về tham gia góp ý kiến kết quả rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10242/TTr-STNMT-CTR ngày 03 tháng 10 năm 2017 về công bố Bộ định mức công tác quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Bộ định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Bộ định mức dự toán được công bố tại Điều 1 là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập và quản lý chi phí trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Trong quá trình triển khai thực hiện, giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, rà soát các hao phí định mức. Trong trường hợp phát sinh cần điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng kịp thời điều chỉnh, công bố cho phù hợp.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: PVP/ĐT;
- Phòng ĐT, KT;
- Lưu: VT, (ĐT-LHT) D.☉

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Vĩnh Tuyên**



**Phụ lục**  
**BỘ ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN**  
**CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Phần I**  
**THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG**

**1. Nội dung định mức**

Định mức dự toán chuyên ngành quản lý chất thải rắn đô thị công bố tại văn bản này bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác, trong đó:

- Mức hao phí vật liệu: Là mức hao phí về số lượng vật liệu cần thiết để thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác tính theo một đơn vị phù hợp.

- Mức hao phí nhân công: Là mức hao phí lao động cần thiết để thực hiện và hoàn thành một đơn vị sản phẩm theo đúng yêu cầu quy trình kỹ thuật của công việc đó.

- Mức hao phí ca máy thi công: Là mức hao phí máy cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác.

Phạm vi các công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị được định mức bao gồm các công việc liên quan đến quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị để đảm bảo việc duy trì vệ sinh môi trường đô thị.

**2. Căn cứ xác lập định mức**

Các quy trình kỹ thuật hiện hành đang áp dụng trong công tác quản lý chất thải rắn đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành áp dụng.

Số liệu về tình hình sử dụng vật liệu, nhân công và phương tiện máy móc thiết bị.

**3. Kết cấu của Bộ định mức**

Định mức được trình bày theo chương, loại công tác và định mức cho từng công việc. Mỗi định mức được trình bày gồm: Thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số định mức và được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh gồm có 7 chương, cụ thể:

Chương I: Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công.

Chương II: Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; thu gom và vệ sinh thùng rác công cộng; vệ sinh điểm hẹn và vớt rác trên mặt kênh, mương.

Chương III: Công tác vận hành trạm trung chuyển.

Chương IV: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế.

Chương V: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý nước rỉ rác.

Chương VI: Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi chôn lấp.

Chương VII: Công tác nhật, bảo quản, thiêu tử thi vô thừa nhận và bảo quản nghĩa trang.

#### **4. Quy định áp dụng**

Bộ định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng trong việc lập và quản lý chi phí thu gom, vận chuyển và chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung của từng loại công tác được quy định cụ thể trong từng Phần của Bộ định mức.

Các hao phí vật liệu, công cụ lao động khác (*như chổi, xẻng, cán xẻng, thùng chứa, găng tay, cước,...*) trực tiếp sử dụng cho quá trình thực hiện công việc không có trong định mức công bố. Các hao phí này được xác định trong chi phí quản lý chung của dự toán thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

## **Phần II ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN**

### **Chương I CÔNG TÁC QUÉT, GOM RÁC TRÊN HÈ, ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG**

**MT1.01.00 Công tác quét, thu gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công**

#### ***Thành phần công việc***

- Chuẩn bị công cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe đang lưu thông trên đường phố dọc theo tuyến đường được phân công, dùng chổi quét sạch toàn bộ rác, lá cây trong phạm vi được phân công và gom lại thành đống.
- Hốt các rác đống, rác bịch, xà bần, lá cây trong phạm vi được phân công để vào phương tiện thu gom.
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng.

- Tại điểm hẹn, khi xe cơ giới đến, công nhân thu gom cặp thùng rác nâng đổ vào gàu ép.

- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.

- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung dụng cụ về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 1:**

*Đơn vị tính: 10.000 m<sup>2</sup>*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT1.01.00</b>	Công tác quét, thu gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Bạc thợ bình quân 4/7	Công	2,24

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 1 áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công với quy định thực hiện 2 bên lề.

- Phạm vi thực hiện:

+ Rác bịch, rác đóng có thể tích bé hơn 0,2 m<sup>3</sup>; xà bần có thể tích bé hơn 0,1 m<sup>3</sup>.

+ Via hè: quét, thu gom rác toàn bộ khu vực via hè trên trục đường được phân công.

+ Lòng đường: Quét, thu gom rác chiều rộng 1,5 m mặt đường mỗi bên tính từ lề đường cùng trọn chiều dài con đường.

+ Vòng xoay, tiểu đảo: quét, thu gom rác xung quanh khu vực vòng xoay, tiểu đảo (1,5 m tính từ mép ngoài của vòng xoay, tiểu đảo).

**MT1.02.00 Công tác quét, thu gom rác đường phố ban đêm bằng thủ công**

**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- Di chuyển phương tiện thu gom đến nơi làm việc.

- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.

- Quét rác trên đường phố, via hè, gom thành từng đống nhỏ.

- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).

- Thu gom rác đóng trên đường phố, via hè.

- Hốt xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.

- Di chuyển phương tiện thu gom về điểm tập kết rác để chuyển sang xe cơ giới.

- Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi di chuyển rác sang xe cơ giới.

- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

**Bảng số 2:**

Đơn vị tính: 10.000 m<sup>2</sup>

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1.02.00	Công tác quét, thu gom rác đường phố ban đêm bằng thủ công	<u>Nhân công:</u> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	2,18

Ghi chú:

- Thời gian làm việc bắt đầu từ 22 giờ hôm trước và kết thúc vào 6 giờ sáng hôm sau

- Phạm vi thực hiện:

+ Thu dọn toàn bộ rác bịch, rác đồng có thể tích bé hơn 0,2 m<sup>3</sup>; thu dọn xà bần có thể tích bé hơn 0,1 m<sup>3</sup>.

+ Vĩa hè: Quét, thu gom rác toàn bộ diện tích vĩa hè (đối với các tuyến phố có yêu cầu cần phải gom rác toàn bộ vĩa hè).

+ Lòng đường: Quét, thu gom rác chiều rộng 3 m mặt đường mỗi bên tính từ lề đường cùng trọn chiều dài con đường.

+ Đối với các khu vực tiểu đảo, vòng xoay: Quét, thu gom rác toàn bộ diện tích mặt đường.

+ Phạm vi thực hiện trên bao gồm khu vực gốc cây, cột điện, miệng cống.

## Chương II

### **CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT; THU GOM VÀ VỆ SINH THÙNG RÁC CÔNG CỘNG (50 LÍT); VỆ SINH ĐIỂM HẸN BẰNG XE BÒN VÀ VỚT RÁC TRÊN MẶT KÊNH, MƯƠNG**

**MT2.01.00 Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết lên xe ép và vận chuyển đến địa điểm đổ chất thải rắn với cự ly bình quân 20 km**

**Thành phần công việc:**

- Kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động

- Di chuyển phương tiện đến điểm tập kết chất thải rắn.

- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.

- Nạp rác từ các phương tiện chứa rác vào máng hứng, ép vào xe và vận hành hệ thống ép thủy lực.

- Thu gom, quét dọn chất thải rắn rơi vãi lên xe, phun xịt chế phẩm/hóa chất khử mùi miệng nạp chất thải rắn của xe và vị trí điểm tập kết, đậy kín miệng nạp chất thải rắn và thu dọn biển báo.

- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.

- Điều khiển xe về đến Trạm trung chuyển hoặc Khu liên hợp xử lý chất thải rắn để xả đổ chất thải rắn.

- Cho xe vào cân xác định tổng tải trọng xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp.

- Điều khiển phương tiện qua hệ thống xịt rửa bánh xe và xung quanh trước khi ra khỏi trạm, bãi. Điều khiển phương tiện qua cân để xác định tải trọng phương tiện.

- Tiếp tục thực hiện quy trình thu gom chất thải rắn tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, di chuyển xe về bãi tập kết, vệ sinh phương tiện, thiết bị, giao ca.

**Bảng số 3:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Xe ≤ 5 tấn	5 tấn < Xe < 10 tấn	Xe ≥ 10 tấn
MT2.01.00	Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết lên xe ép và vận chuyển đến địa điểm đổ chất thải rắn với cự ly bình quân 20 km	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,158	0,097	0,065
		<i>Máy, thiết bị:</i> - Xe ép rác	Ca	0,079	0,049	0,034
				01	02	03

Ghi chú: Định mức Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết lên xe ép và vận chuyển đến địa điểm đổ chất thải rắn được xác định cho hành trình vận chuyển có tải và không tải với cự ly vận chuyển bình quân là 20km. Khi cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí tại Bảng số 3 được điều chỉnh theo các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22

Cự ly L (km)	Hệ số
$70 < L \leq 75$	1,74
$75 < L \leq 80$	1,78
$80 < L \leq 85$	1,82
$85 < L \leq 90$	1,86

30 < L ≤ 35	1,3	90 < L ≤ 95	1,9
35 < L ≤ 40	1,38	95 < L ≤ 100	1,94
40 < L ≤ 45	1,45	100 < L ≤ 105	1,98
45 < L ≤ 50	1,51	105 < L ≤ 110	2,02
50 < L ≤ 55	1,57	110 < L ≤ 115	2,06
55 < L ≤ 60	1,62	115 < L ≤ 120	2,1
60 < L ≤ 65	1,66	120 < L ≤ 125	2,14
65 < L ≤ 70	1,7	125 < L ≤ 130	2,18

**MT2.02.00 Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe hooklift với cự ly vận chuyển bình quân 20 km**

**Thành phần công việc:**

- Kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động,
- Di chuyển phương tiện đến điểm tiếp nhận chất thải rắn;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Khi chất thải rắn được xúc đầy lên xe, vun gọn rác trên xe, phun rửa bên ngoài bánh xe, phun xịt chế phẩm/hóa chất khử mùi xung quanh thùng xe.
- Điều khiển xe về Khu xử lý chất thải rắn theo lộ trình được duyệt.
- Cho xe vào cân xác định tổng tải trọng xe, vận hành đổ rác theo đúng quy định trong bãi.
- Điều khiển phương tiện qua hệ thống xịt rửa bánh xe và xung quanh trước khi ra khỏi Khu xử lý. Điều khiển phương tiện qua cân để xác định tải trọng phương tiện.
- Tiếp tục thực hiện qui trình thu gom chất thải rắn tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.
- Kết thúc ca làm việc, di chuyển xe về bãi tập kết, vệ sinh phương tiện, thiết bị, giao ca.

**Bảng số 4:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Xe < 10 tấn	Xe ≥ 10 tấn
MT2.02.00	Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe hooklift với cự ly vận chuyển bình quân 20 km	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,033	0,023
		<i>Máy, thiết bị:</i> - Xe ép rác kín (xe hooklip)	Ca	0,033	0,023
				01	02



*Ghi chú:* Định mức công tác vận chuyển bằng xe hooklift hoặc container được xác định cho hành trình vận chuyển có tải và không tải với cự ly vận chuyển bình quân là 20km. Khi cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí tại Bảng số 4 được điều chỉnh theo các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,3
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66
$65 < L \leq 70$	1,7

Cự ly L (km)	Hệ số
$70 < L \leq 75$	1,74
$75 < L \leq 80$	1,78
$80 < L \leq 85$	1,82
$85 < L \leq 90$	1,86
$90 < L \leq 95$	1,9
$95 < L \leq 100$	1,94
$100 < L \leq 105$	1,98
$105 < L \leq 110$	2,02
$110 < L \leq 115$	2,06
$115 < L \leq 120$	2,1
$120 < L \leq 125$	2,14
$125 < L \leq 130$	2,18

**MT2.03.00 Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km**

***Thành phần công việc:***

- Kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm tiếp nhận chất thải rắn.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Khi chất thải rắn được xúc đầy lên xe, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy, phun rửa bên ngoài bánh xe, phun xịt chế phẩm/hóa chất khử mùi xung quanh thùng xe.
- Điều khiển xe về Khu xử lý chất thải rắn theo lộ trình được duyệt.
- Cho xe vào cân xác định tổng tải trọng xe, vận hành đổ rác theo đúng quy định trong bãi.
- Điều khiển phương tiện qua hệ thống xịt rửa bánh xe và xung quanh trước khi ra khỏi khu xử lý. Điều khiển phương tiện qua cân để xác định tải trọng phương tiện.
- Tiếp tục thực hiện qui trình thu gom chất thải rắn tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.
- Kết thúc ca làm việc, di chuyển xe về bãi tập kết, vệ sinh phương tiện, thiết bị, giao ca.

**Bảng số 5:**

Đơn vị tính: 01 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
				Xe $\geq$ 10 tấn
MT2.03.00	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân 20 km	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7  <i>Máy, thiết bị:</i> - Xe tải	Công	0,029
			Ca	0,029

**Ghi chú:** Định mức Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe tải được xác định cho hành trình vận chuyển có tải và không tải với cự ly vận chuyển bình quân là 20km. Khi cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí tại Bảng số 5 được điều chỉnh theo các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số	Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95	$70 < L \leq 75$	1,74
$15 < L \leq 20$	1	$75 < L \leq 80$	1,78
$20 < L \leq 25$	1,11	$80 < L \leq 85$	1,82
$25 < L \leq 30$	1,22	$85 < L \leq 90$	1,86
$30 < L \leq 35$	1,3	$90 < L \leq 95$	1,9
$35 < L \leq 40$	1,38	$95 < L \leq 100$	1,94
$40 < L \leq 45$	1,45	$100 < L \leq 105$	1,98
$45 < L \leq 50$	1,51	$105 < L \leq 110$	2,02
$50 < L \leq 55$	1,57	$110 < L \leq 115$	2,06
$55 < L \leq 60$	1,62	$115 < L \leq 120$	2,1
$60 < L \leq 65$	1,66	$120 < L \leq 125$	2,14
$65 < L \leq 70$	1,7	$125 < L \leq 130$	2,18

#### **MT2.04.00 Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt dọc các tuyến đường**

##### **Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm hẹn tập kết rác, đến các điểm tập kết rác nhỏ lẻ khác của người dân dọc tuyến đường được phân công.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Nạp rác từ xe thu gom thô sơ và từ các điểm tập kết rác nhỏ lẻ dọc tuyến đường vào máng hứng của phương tiện, vận hành hệ thống ép thủy lực.
- Thu dọn sạch rác rơi vãi tại mặt bằng điểm hẹn, điểm tập kết rác nhỏ lẻ thực hiện phun xịt chế phẩm/hóa chất khử mùi vào miệng nạp chất thải rắn của xe thường xuyên đậy kín miệng nạp chất thải rắn.

- Điều khiển phương tiện đến điểm hẹn kế tiếp và các điểm tập kết rác nhỏ lẻ khác dọc tuyến đường được phân công.

- Điều khiển phương tiện về Trạm trung chuyển hoặc Khu liên hợp xử lý chất thải rắn để đổ, xả rác.

- Hết ca di chuyển phương tiện về bãi tập kết, vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

**Bảng số 6:**

Đơn vị tính: 01 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Xe $\leq 5$ tấn	5 tấn < Xe < 10 tấn	Xe $\geq 10$ tấn
MT2.04.00	Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt dọc các tuyến đường	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4/7	Công	0,328	0,122	0,076
		<i>Máy thi công:</i> - Xe ép rác	Ca	0,153	0,055	0,034

Ghi chú: Định mức Công tác thu gom dọc tuyến và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bằng xe ép được xác định cho hành trình vận chuyển có tải và không tải với cự ly vận chuyển bình quân là 20km. Khi cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí tại Bảng số 6 được điều chỉnh theo các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,3
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66
$65 < L \leq 70$	1,7

Cự ly L (km)	Hệ số
$70 < L \leq 75$	1,74
$75 < L \leq 80$	1,78
$80 < L \leq 85$	1,82
$85 < L \leq 90$	1,86
$90 < L \leq 95$	1,9
$95 < L \leq 100$	1,94
$100 < L \leq 105$	1,98
$105 < L \leq 110$	2,02
$110 < L \leq 115$	2,06
$115 < L \leq 120$	2,1
$120 < L \leq 125$	2,14
$125 < L \leq 130$	2,18

**MT2.05.00 Công tác thu gom và vệ sinh thùng rác công cộng có kích thước 50 lít**

***Thành phần công việc:***

- Chuẩn bị công cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển thùng thu chứa 660 lít dọc tuyến đường đến địa điểm đặt thùng.
- Thu gom rác trong thùng vào công cụ thu chứa.
- Tháo dỡ các mẫu quảng cáo dán trên thùng rác (nếu có) và vệ sinh thùng rác bằng xà phòng và lau chùi lại bằng nước sạch.
- Thay túi nylon mới vào thùng rác.
- Quét và thu gom chất thải rắn rơi vãi xung quanh thùng rác.
- Khi thùng thu 660 lít đầy hoặc đã hoàn thành lộ trình theo quy định, di chuyển thùng 660 lít về điểm hẹn tập kết rác.
- Tiếp tục thực hiện qui trình như trên cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung dụng cụ về nơi quy định, giao ca.

***Bảng số 7:***

*Đơn vị tính: 01 thùng rác công cộng (50 lít)*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT2.05.00</b>	Công tác thu gom và vệ sinh thùng rác công cộng có kích thước (50 lít)	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 3,5/7	Công	0,023

**MT2.06.00 Vệ sinh điểm hẹn bằng xe bồn**

***Thành phần công việc:***

- Chuẩn bị công cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm lấy nước để bơm nước đầy bồn chứa.
- Di chuyển phương tiện đến điểm hẹn đã định.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Phun xịt nước và dùng chổi quét, đẩy nước về phía miệng cống thoát nước gần nhất.
- Thu dọn thiết bị lên xe và tiếp tục di chuyển đến điểm hẹn tiếp theo, lặp lại quy trình như trên; cứ tiếp tục như vậy cho đến khi hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung dụng cụ về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 8:**

Đơn vị tính: 01 điểm hện

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT2.06.00	Vệ sinh điểm hện bằng xe bồn	<i>Vật liệu:</i> - Nước thô	m <sup>3</sup>	0,5
		<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,074
		<i>Máy thi công:</i> - Xe bồn 7m <sup>3</sup>	Ca	0,035

*Ghi chú:* Định mức quy định tại Bảng số 8 tương ứng với cự ly vận chuyển bình quân 15 km. Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí máy thi công tại bảng số 8 được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 8$	0,895
$8 < L \leq 10$	0,925
$10 < L \leq 14$	0,955
$15 < L \leq 18$	1,045
$18 < L \leq 20$	1,075

**MT2.07.00 Công tác tưới rửa đường bằng cơ giới****Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm lấy nước.
- Mở miệng téc nước, bơm nước vào cho đến khi đầy, khóa van họng nước và đậy nắp téc.
- Trong quá trình rửa đường, xe téc di chuyển chậm, công nhân đi bộ theo xe cầm vòi phun xịt rửa toàn bộ mặt đường. Nếu nước đọng thành vũng, công nhân phải quét dọn sạch sẽ. Tiếp tục thực hiện cho đến hết tuyến đường theo quy trình.
- Di chuyển phương tiện về bãi tập kết.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

**Bảng số 9:**

Đơn vị tính: 01 km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT2.07.00	Tưới rửa đường bằng cơ giới	<i>Vật liệu:</i> Nước thô	m <sup>3</sup>	6,19
		<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,238
		<i>Máy thi công:</i> Ô tô tưới nước - 4 m <sup>3</sup>	Ca	0,227

## MT2.08.00 Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương

### Thành phần công việc:

- Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm vớt rác.
- Công nhân dùng vợt lưới đứng trên cầu phao vớt rác lùa từ hai cánh vào mạn tàu, thao tác được lặp đi lặp lại liên tục.
- Gấp túi khi rác đầy, tra móc, điều chỉnh lưới rác lên tàu, công việc được tiếp diễn.
- Khi túi lên tàu được đưa đến vị trí tiếp nhận, thực hiện các thao tác đưa rác vào phương tiện chứa.
- Làm sạch túi lưới, các thao tác được tiếp diễn đến hết ca làm việc.
- Hết ca đưa tàu, ghe về bến đậu vệ sinh phương tiện, giao tàu ghe cho người trực.

### Bảng số 10:

Đơn vị tính: 10.000 m<sup>2</sup> diện tích mặt nước

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức			
				Ghe 6 CV	Ghe 14 CV	Ghe 26 CV	Tàu 30 CV
MT2.08.00	Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	1,7	1,221	0,667	0,593
		<i>Máy thi công</i> Tàu, ghe vớt rác	Ca	0,750	0,467	0,167	0,148

## Chương III

### CÔNG TÁC VẬN HÀNH TRẠM TRUNG CHUYỂN

#### MT3.01.00 Công tác vận hành trạm trung chuyển sử dụng xe xúc không ép

##### Thành phần công việc:

- Kiểm tra các thiết bị của trạm trung chuyển và trang bị bảo hộ lao động.
- Hướng dẫn phương tiện qua trạm cân và ra vào trạm trung chuyển để đổ rác.
- Di chuyển phương tiện vận chuyển rác tới địa điểm xúc rác.
- Lái xe xúc điều khiển vun gọn lượng rác vào điểm tập chung.
- Xúc rác lên các phương tiện vận chuyển rác cho đến khi phương tiện vận chuyển rác đầy.
- Điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên phương tiện vận chuyển rác.

- Vận hành hệ thống quạt thông gió của trạm trung chuyển.
- Công nhân vệ sinh trạm tiến hành phun xịt chế phẩm khử mùi của phương tiện vận chuyển rác ra vào trạm trung chuyển.
- Dùng vòi di động xịt nước rửa sạch và phun xịt chế phẩm khử mùi toàn bộ nền, mặt sàn và đường dẫn vào trạm và các khu vực xung quanh trạm.
- Nạo vét các miệng hố ga.
- Hết ca vệ sinh sạch sẽ các thiết bị, dụng cụ lao động, tập trung xe máy về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 11:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác thải sinh hoạt*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT3.01.00</b>	Công tác vận hành trạm trung chuyển sử dụng xe xúc không ép	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chế phẩm khử mùi Greenkey	Lít	0,027
		- Điện	Kw	1,774
		- Nước sạch	m <sup>3</sup>	0,029
		- Xà bông	Kg	0,0003
		<i>Nhân công:</i>		
- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	0,108		
		<i>Máy thi công:</i>		
		- Xe xúc 3,2m <sup>3</sup>	Ca	0,007

**MT3.02.00 Công tác vận hành trạm trung chuyển sử dụng thiết bị ép rời**

***Thành phần công việc:***

- Kiểm tra các thiết bị của trạm trung chuyển và trang bị bảo hộ lao động.
- Hướng dẫn phương tiện qua trạm cân và xe ra vào trạm trung chuyển để đổ rác.
- Rác từ các phương tiện thu gom được đổ vào máng tiếp nhận, sử dụng hệ thống thủy lực đặt tại trạm trung chuyển nâng máng hứng rác đổ vào miệng tiếp nhận và ép vào thùng xe cho đến khi đầy.
- Vận hành hệ thống quạt thông gió của trạm trung chuyển.
- Công nhân vệ sinh trạm tiến hành phun xịt chế phẩm khử mùi của phương tiện vận chuyển rác ra vào trạm trung chuyển.
- Dùng vòi di động xịt nước rửa sạch và phun xịt chế phẩm khử mùi toàn bộ nền, mặt sàn và đường dẫn vào trạm và các khu vực xung quanh trạm.
- Nạo vét các miệng hố ga.

- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước rỉ rác, lượng bùn thải sau xử lý nước rỉ rác được xe chuyên dụng vận chuyển đến nơi đổ thải.

- Hết ca làm việc, vệ sinh sạch sẽ các thiết bị, dụng cụ lao động, tập trung xe máy về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 12:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác thải sinh hoạt*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
<b>MT3.02.00</b>	Công tác vận hành trạm trung chuyển sử dụng thiết bị ép rời	<i>Vật liệu:</i>		
		<u>Vận hành</u>		
		- Điện	Kw	1,5
		- Dung dịch vi sinh khử mùi Vibem	Lít	0,627
		- Nước sạch	m <sup>3</sup>	0,029
		- Xà bông	Kg	0,0003
		- Nhớt thủy lực	Lít	0,005
		- Dầu DO	Lít	0,117
		<u>Xử lý nước rỉ rác:</u>		
		- Điện	Kw	0,3
		- PAC	Kg	0,079
		- NaOH	Kg	0,02
		- Ca(OCl <sub>2</sub> ) <sub>2</sub>	Kg	0,01
		- Polyme	Kg	0,002
		<u>Xử lý khí:</u>		
		- Điện	Kw	0,294
		- Than hoạt tính	Kg	0,057
<i>Nhân công:</i>				
- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	0,095		
<i>Máy thi công:</i>				
- Máy ép rác	Ca	0,027		
- Xe hút bùn 7 m <sup>3</sup>	Ca	0,002		

**MT3.03.00 Công tác vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt quy mô nhỏ**

**Thành phần công việc:**

- Kiểm tra phương tiện, dụng cụ của trạm trung chuyển và trang bị bảo hộ lao động.

- Hướng dẫn các phương tiện thô sơ đến vị trí đổ, đổ rác xuống sàn.



- Kiểm tra bằng cảm quan Thành phần rác được phép đổ và tём gọn, vun thành đống.
- Hướng dẫn phương tiện thô sơ đến vị trí rửa bánh xe và rời khỏi trạm.
- Phủ bạt nhựa che một Phần hoặc toàn bộ Phần đống rác đã đạt độ cao cần thiết (không thể vun đống lên cao được nữa).
- Vận hành hệ thống quạt thông gió của trạm trung chuyển.
- Công nhân vệ sinh trạm tiến hành phun xịt chế phẩm khử mùi của phương tiện vận chuyển rác ra vào trạm trung chuyển.
- Dùng vòi di động xịt nước rửa sạch và phun xịt chế phẩm khử mùi toàn bộ nền, mặt sàn và đường dẫn vào trạm và các khu vực xung quanh trạm.
- Nạo vét các miệng hố ga.
- Hết ca làm việc, vệ sinh sạch sẽ dụng cụ lao động, tập trung dụng cụ về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 13:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác thải sinh hoạt*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>MT3.03.00</b>	Công tác vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt quy mô nhỏ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Điện	Kw	0,044
		- Chế phẩm khử mùi Greenkey	Lít	0,009
		- Nước sạch	m <sup>3</sup>	0,029
		- Xà bông	Kg	0,0003
	<i>Nhân công:</i>			
	Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,032	

#### **Chương IV**

### **CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ**

**MT4.01.00 Công tác thu gom vận chuyển chất thải rắn y tế với cự ly vận chuyển bình quân 65 km.**

***Thành phần công việc:***

- Kiểm tra kỹ thuật và an toàn của phương tiện và trang thiết bị.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom chất thải rắn y tế.
- Buộc chặt miệng túi nilon trong thùng 240 lít, đậy nắp và kéo thùng nhựa từ khu chứa chất thải rắn y tế ra ngoài để cân, xác định khối lượng và chuyển lên xe. Chuyển các thùng sạch từ xe vào vị trí cũ.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- Điều khiển xe về khu xử lý, bốc xuống, giao cho nhân viên kho. Ghi sổ số lượng, khối lượng.

- Cuối ca làm việc, xe thu gom chất thải được rửa tại khu vực rửa xe ở nhà máy xử lý; xịt hỗn hợp dung dịch khử trùng, khử mùi; xe chạy về đội xe tiếp tục được vệ sinh sạch sẽ bên ngoài xe, giao ca.

**Bảng số 14:**

*Đơn vị tính: 01 tấn rác y tế, bệnh phẩm*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT4.01.00	Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế về khu xử lý	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ bình quân 4/7	Công	3,260
		<i>Máy, thiết bị:</i> - Xe tải thùng kín - tải trọng 1,5 T	Ca	1,630

Ghi chú: Định mức Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế về khu xử lý được xác định cho hành trình vận chuyển có tải và không tải với cự ly vận chuyển bình quân là 65km. Khi cự ly vận chuyển thay đổi thì định mức hao phí tại Bảng số 14 được điều chỉnh theo các hệ số sau:

Cự ly $L$ (km)	Hệ số
$L \leq 40$	0,65
$40 < L \leq 50$	0,80
$50 < L \leq 60$	0,95
$60 < L \leq 70$	1,00
$70 < L \leq 80$	1,05
$80 < L \leq 90$	1,10
$90 < L \leq 100$	1,15
$100 < L \leq 110$	1,20
$110 < L \leq 120$	1,25
$120 < L \leq 130$	1,30
$130 < L \leq 140$	1,35
$140 < L \leq 150$	1,40
$150 < L \leq 160$	1,45

**MT4.02.00 Công tác xử lý chất thải rắn y tế công suất 7 tấn/ngày tại Bình Hưng Hòa.**

**Thành phần công việc:**

- Kiểm tra các thiết bị an toàn của lò đốt, khởi động các hệ thống, thực hiện giai đoạn hâm nóng lò đốt.

- Chuyển thùng nhựa chứa rác y tế, rác bệnh phẩm trong lò đến các vị trí nạp rác của lò đốt.
- Rửa các thùng chứa rác bằng nhựa và đưa vào vị trí qui định.
- Theo dõi, nạp hoá chất đầy đủ vào phễu để xử lý khói.
- Sau mỗi đợt đốt, cào tro và chứa vào thùng ở sau cửa lò. Tươi nước làm nguội tro, cho vào các túi nhựa, cột chặt và chứa trong container chuyên dụng để lưu chứa. Tiếp tục đốt các đợt tiếp theo.
- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh các thiết bị, giao ca.

**Bảng số 15:**

*Đơn vị tính: 01 tấn chất thải y tế*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
<b>MT4.02.00</b>	Công tác xử lý rác y tế, bệnh phẩm bằng lò gas.	<i>Vật tư, vật liệu:</i>			
		- Gas	Kg	144,327	
		- Điện	Kw	155,872	
		- Bicarbonat (NaHCO <sub>3</sub> )	Kg	37,228	
		- Than hoạt tính	Kg	1,117	
		- Bao nylon	Bao	2,085	
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ bình quân 4/7	Công	2,662	
		<i>Máy, thiết bị:</i>			
		- Lò đốt rác y tế bằng gas	Ca	0,296	

**MT4.03.00 Công tác xử lý chất thải y tế bằng lò gas công suất 21 tấn/ngày tại Đông Thạnh.**

***Thành phần công việc:***

- Kiểm tra các thiết bị của lò đốt và trang bị bảo hộ lao động. Khởi động các hệ thống, thực hiện giai đoạn hâm nóng lò đốt.
- Chuyển thùng nhựa chứa chất thải y tế từ phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập trung trong nhà xưởng.
- Chuyển thùng nhựa chứa chất y tế đến các vị trí nạp của lò đốt.
- Nạp chất thải rắn y tế từ các thùng chứa vào lò đốt.
- Theo dõi, nạp hoá chất đầy đủ vào phễu để xử lý khí thải.
- Sau mỗi đợt đốt, cào tro vào 2 thùng inox ở sau cửa lò.
- Rửa các thùng chứa chất thải y tế bằng xà bông, Cloramine 5% và phun xịt khử mùi trước khi đưa vào vị trí quy định.
- Hết ca làm việc, vệ sinh các thiết bị của lò và các dụng cụ, công cụ trước khi tập kết về nơi quy định.

**Bảng số 16:**

*Đơn vị tính: 01 tấn chất thải y tế*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT4.03.00</b>	Công tác xử lý chất thải y tế bằng lò gas công suất 21 tấn/ngày tại Đông Thạnh	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chế phẩm khử mùi Greenkey	Lít	0,203
		- Cloramin B 5%	Kg	0,010
		- Gas	Kg	101,99
		- Điện	Kw	201,02
		- Bicarbonat (NaHCO <sub>3</sub> )	Kg	44,72
		- Than hoạt tính	Kg	15,96
		- Nước	m <sup>3</sup>	0,111
		- Nước cấp boiler	m <sup>3</sup>	3,78
		- Bao đựng tro (1.200 x 1.800) mm	Bao	0,2033
		<i>Nhân công:</i>		
		Bậc thợ bình quân 4/7	Công	2,283
		<i>Máy thi công:</i>		
- Lò đốt chất thải y tế	Ca	0,127		
- Xe nâng 1,5 tấn	Ca	0,063		

### **Chương V**

### **CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ NƯỚC RỈ RÁC**

**MT5.01.00 Công tác thu gom, vận chuyển nước rỉ rác từ các Trạm trung chuyển nhỏ, trạm trung chuyển không có hệ thống xử lý nước rác**

***Thành phần công việc:***

- Kiểm tra các thiết bị an toàn và trang bị bảo hộ lao động.
- Lái xe đến vị trí thu gom nước rác đầu tiên, lắp đặt ống bơm từ xe bồn vào hồ chứa nước rác tập trung, vận hành máy bơm nước rác, bơm hút cho đến khi hết nước trong hầm chứa hoặc đầy xe chứa nước rác.
- Di chuyển xe đến điểm thu gom tiếp theo cho đến khi bồn chứa đầy nước rác.
- Lái xe đến khu xử lý tập trung, xác định khối lượng nước rỉ rác.
- Tiếp tục lặp lại quy trình trên cho đến khi hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung dụng cụ về nơi quy định, giao ca.

**Bảng số 17:**Đơn vị tính: 01 m<sup>3</sup> nước rỉ rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
<b>MT5.01.00</b>	Công tác thu gom, vận chuyển nước rỉ rác từ các Trạm trung chuyển nhỏ, trạm trung chuyển không có hệ thống xử lý nước rác.	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,032
		<i>Máy thi công:</i> - Xe bồn 10 m <sup>3</sup> - Máy bơm 7,5 kW	Ca	0,097
			Ca	0,016

Ghi chú: Định mức quy định tại Bảng số 17 tương ứng với cự ly vận chuyển bình quân 15 km. Khi cự ly vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 8$	0,895
$8 < L \leq 10$	0,925
$10 < L \leq 14$	0,955
$15 < L \leq 18$	1,045
$18 < L \leq 20$	1,075

**MT5.02.00 Xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Gò Cát (công suất xử lý 200m<sup>3</sup>/ngày) và Phước Hiệp (công suất xử lý 800m<sup>3</sup>/ngày) theo công nghệ Công ty kỹ thuật Seen**

**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị điều kiện làm việc.
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc, thiết bị tại các bể.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ
- Phân tích, đánh giá chất lượng nước đầu vào, ra;
- Vận hành trạm xử lý
- Bảo dưỡng hằng ngày các thiết bị máy móc.
- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh các thiết bị.

**Bảng số 18:**Đơn vị tính: 01 m<sup>3</sup> nước rỉ rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Gò Cát	Phước Hiệp
<b>MT5.02.00</b>	Công tác xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Gò Cát và Phước Hiệp	<i>Vật tư:</i>			
		- FeSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O	Kg	0,511	0,532
		- Ca(OH) <sub>2</sub> vôi	Kg	0,764	1,749
		- Polymer	Kg	0,010	0,007
		- Oxy hoá	Kg	0,410	0,406

	theo công nghệ Công ty kỹ thuật Seen	- NaOH 32%	Kg	0,670	1,091
		- FeCl <sub>3</sub> 40% (lỏng)	Kg	0,606	2,577
		- Điện	Kw	4,001	5,486
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ bình quân 4/7	Công	0,05	0,018

*Ghi chú:* Định mức cho Công tác xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Gò Cát (công suất xử lý 200m<sup>3</sup>/ngày) và Phước Hiệp (công suất xử lý 800m<sup>3</sup>/ngày) theo công nghệ Công ty kỹ thuật Seen bao gồm hao phí vật tư, hoá chất, điện năng, nhân công vận hành hệ thống xử lý; chưa bao gồm các hao phí khác có liên quan trong quá trình vận hành hệ thống xử lý.

**MT5.03.00 Xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Đông Thạnh (công suất xử lý 500m<sup>3</sup>/ngày) và Phước Hiệp (công suất xử lý 800m<sup>3</sup>/ngày) theo công nghệ Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt.**

***Thành phần công việc:***

- Chuẩn bị điều kiện làm việc.
- Kiểm tra toàn bộ các máy móc, thiết bị tại các bể.
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ.
- Phân tích, đánh giá chất lượng nước đầu vào, ra.
- Vận hành trạm xử lý.
- Bảo dưỡng hằng ngày các thiết bị máy móc.
- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh các thiết bị.

***Bảng số 19:***

*Đơn vị tính: 01 m<sup>3</sup> nước rỉ rác*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Đông Thạnh	Phước Hiệp
<b>MT5.03.00</b>	Xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Đông Thạnh và Phước Hiệp theo công nghệ Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi	<i>Vật tư:</i>			
		- FeSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O	Kg	5,746	5,862
		- FeCl <sub>3</sub> 40%	Kg	1,423	1,514
		- H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Kg	1,028	1,028
		- Vi sinh	Lít	0,003	0,003
		- Nước Javen	Lít	0,011	0,011
		- Điện	Kw	0,903	0,987
	<i>Nhân công:</i>				

	trường Quốc Việt	- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	0,031	0,026
		<i>Máy, thiết bị:</i>			
		- Máy bơm 7,5 CV	Ca	0,012	-
		- Máy bơm 15 CV	Ca	-	0,011

**Chương VI**  
**CÔNG TÁC XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**  
**TẠI BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

**MT6.01.00 Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi chôn lấp số 2 - Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp, huyện Củ Chi, công suất thiết kế từ 1.500 - 2.500 tấn/ngày**

***Thành phần công việc:***

Gồm 07 nhóm thành phần công việc như sau:

- Tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại sàn trung chuyển của bãi chôn lấp và vận chuyển về các ô chôn lấp.

- Xử lý mùi hôi.

- San chất thải rắn sinh hoạt.

- Đào, xúc, vận chuyển đất san lấp và đất làm taluy.

- Làm đường tạm, bãi tạm.

- Vệ sinh công trường.

- Thu gom nước rỉ rác, nước mưa và khí thải.

***Bảng số 20:***

*Đơn vị tính: 01 tấn rác thải sinh hoạt*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT6.01.00</b>	Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi chôn lấp số 2 - Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp, huyện Củ Chi, công suất thiết kế từ 1.500 - 2.500 tấn/ngày	<i>Vật tư, vật liệu:</i>		
		- Chế phẩm Aquaclean	Lít	0,0049
		- Ordor	Lít	0,0059
		- Bạt nhựa xanh phủ	m <sup>2</sup>	0,1179
		- Đất phủ	m <sup>3</sup>	0,0741
		- Panel làm đường tạm	Tấm	0,0006
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	0,031
		<i>Máy, thiết bị:</i>		
		- Xe ủi D7	Ca	0,0015
- Xe Kobel SK07 (0,8m <sup>3</sup> )	Ca	0,0020		
- Xe xúc lật 3m <sup>3</sup>	Ca	0,0011		

	- Xe ô tô vận chuyển 10 tấn	Ca	0,0075
	- Xe bồn 16 m <sup>3</sup>	Ca	0,0004
	- Máy bơm diesel 10 CV	Ca	0,0004
	- Bơm điện 1,1 kw	Ca	0,0023

**MT6.02.00 Công tác vận hành tại bãi chôn lấp Gò Cát sau khi ngừng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt**

***Thành phần công việc:***

- Công tác sửa chữa đường nội bộ:

+ Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

+ Vận chuyển vật liệu đến nơi cần sửa chữa.

+ Sử dụng xẻng mức vật liệu lấp đầy diện tích cần dặm vá.

+ Đầm nén chặt vật liệu.

+ Vệ sinh khu vực đã hoàn tất việc sửa chữa, các thao tác được tiếp diễn đến hết ca làm việc.

+ Cuối ca làm việc, di chuyển về điểm tập kết. Vệ sinh và lưu giữ phương tiện, thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác nạo vét hố ga:

+ Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

+ Di chuyển đến hố ga đầu tiên. Mở nắp cống, chờ 10 – 30 phút cho khí độc trong cống thoát ra ngoài.

+ Dùng gàu mức bùn và đổ vào xe chứa bùn, tiếp diễn cho đến khi không thể mức được bùn.

+ Đậy nắp hố ga và di chuyển đến điểm kế tiếp. Lặp lại quy trình tương tự cho đến hết ca làm việc.

+ Phương tiện vận chuyển sau khi chứa đầy bùn nạo vét di chuyển về khu vực đổ đúng nơi quy định.

+ Cuối ca làm việc, di chuyển về điểm tập kết. Vệ sinh và lưu giữ phương tiện, thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Nạo vét bùn mương thoát nước mưa và nước rỉ rác

+ Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

+ Di chuyển đến mương thoát nước.

+ Sử dụng xe đào Kobelco mức bùn từ mương thoát nước và đổ vào xe tải.

+ Lặp lại quy trình tương tự cho đến khi hết chiều dài mương cần nạo vét bùn.

+ Phương tiện vận chuyển sau khi chứa đầy bùn nạo vét di chuyển về khu vực đổ đúng nơi quy định.

+ Cuối ca làm việc, di chuyển về điểm tập kết. Vệ sinh và lưu giữ phương tiện, thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.



- Công tác bơm nước rỉ rác về hồ chứa:

- + Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước từ điểm bơm (trên bãi rác) về hồ chứa tập trung.
- + Khởi động máy bơm, bơm nước rỉ rác từ bãi chôn lấp về hồ chứa.
- + Cuối ca làm việc, vệ sinh và lưu giữ các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác gia cố mái taluy:

- + Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Đối với điểm gia cố mái taluy cần sử dụng đất: sử dụng xe Kobelco múc đất lên xe tải, vận chuyển đến khu vực cần gia cố mái taluy. Mở bạt khu vực cần gia cố (nếu có), sử dụng xe Kobelco múc đất và đắp vào điểm lún sụt. Sử dụng gàu trải đất và đầm tạo độ dốc mái taluy, phủ bạt nhựa mái taluy.
- + Đối với điểm gia cố mái taluy không cần sử dụng đất: mở bạt khu vực cần gia cố (nếu có), sử dụng xe Kobelco gia cố mái taluy, phủ bạt nhựa mái taluy.

+ Cuối ca làm việc, di chuyển về điểm tập kết. Vệ sinh và lưu giữ các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác thay, vá bạt nhựa phủ mái taluy và đỉnh bãi chôn lấp:

- + Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển đến vị trí bạt nhựa bị hư hỏng.
- + Tháo gỡ bạt bị rách, thay mới hoặc vá Phần diện tích bạt trống.
- + Kiểm tra việc thay vá bạt đạt yêu cầu kỹ thuật bãi chôn lấp.
- + Cuối ca làm việc, vệ sinh và lưu giữ các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác dẫn bạt nhựa mái taluy bằng vỏ xe ô tô đã qua sử dụng:

- + Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Sử dụng xe tải vận chuyển vỏ xe đến khu vực tác nghiệp.
- + Công nhân chuyển vỏ xe đến điểm dẫn bạt..
- + Cuối ca làm việc, vệ sinh và lưu giữ các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác khử mùi xung quanh bãi và hồ chứa nước rỉ rác

- + Kiểm tra phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Bơm nước vào xe bồn để pha loãng hóa chất khử mùi.
- + Dùng xe bồn phun chất khử mùi khu vực mương thoát nước và hồ chứa nước rỉ rác.
- + Cuối ca làm việc, vệ sinh và lưu giữ các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật bảo quản, kết thúc ca làm việc.

- Công tác quản lý bãi rác, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và giải quyết sự cố:

+ Kiểm tra dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

+ Kiểm tra, đảm bảo an toàn lao động theo nội quy công trình được ban hành, công nhân được trang bị đủ dụng cụ bảo hộ.

+ Đánh giá khả năng gây cháy nổ và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố khi xảy ra cháy nổ.

+ Cuối ca làm việc, vệ sinh và lưu giữ trang bị bảo hộ lao động, kết thúc ca làm việc.

- Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị và chăm sóc cây xanh:

+ Duy tu, bảo dưỡng thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh cách ly, cây cảnh, dây leo và thảm cỏ trong bãi chôn lấp.

**Bảng số 21:**

*Đơn vị tính: tháng*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT6.02.00	Sửa chữa đường nội bộ	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	Công	14,4
		<i>Máy thi công:</i> - Xe tải 10 m <sup>3</sup>	Ca	3,6
		- Xe đào Kobelco 0,8 m <sup>3</sup>	Ca	4,2
	Nạo vét bùn hồ ga	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	Công	66
		<i>Máy thi công:</i> - Xe tải 2,5 tấn	Ca	12
	Nạo vét mương thoát nước mưa và nước rỉ rác	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	376,2
<i>Máy thi công:</i> - Xe tải 10 tấn		Ca	12	
- Xe đào Kobelco 0,8 m <sup>3</sup>		Ca	3,6	
Công tác bơm nước rỉ rác về hồ chứa	<i>Nhân công:</i> - Công nhân lắp đặt hệ thống ống, di chuyển máy bơm bậc 4/7	Công	36	
	<i>Máy thi công:</i> - Máy bơm nước rỉ rác RV 125	Ca	180	
Gia cố mái taluy và thay,	<i>Vật tư:</i> Bạt nhựa xanh	m <sup>2</sup>	5,21	

dẫn bạt nhựa phủ mái taluy	<i>Nhân công:</i> - Công nhân thay và bạt nhựa bậc 3,5/7 - Công nhân dẫn bao PP lên bạt nhựa bậc 3,5/7	Công	96
	<i>Máy thi công:</i> - Xe tải 10 tấn - Xe đào Kobelco 0,8 m <sup>3</sup>	Ca Ca	5,4 2,4
Công tác khử mùi xung quanh bãi và hồ chứa nước rác	<i>Vật tư:</i> - Enchoice - Nước pha Enchoice	lít m <sup>3</sup>	29,88 58,9
	<i>Nhân công:</i> - Công nhân phun xịt khử mùi bậc 3,5/7 <i>Máy thi công:</i> - Xe bồn 5 m <sup>3</sup> - Máy bơm RV 125	Công Ca Ca	36 6 18
Quản lý bãi rác, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và giải quyết sự cố	<i>Nhân công:</i> - Nhân công bảo vệ - PCCC bậc 4/7 (1/3 ca đêm) - Nhân công quản lý bãi rác bậc 4/7 (1/3 ca đêm)	Công Công	216 54
	<i>Nhân công:</i> - Công nhân duy tu bảo dưỡng thiết bị bậc 5/7 - Công nhân chăm sóc cây xanh bậc 4/7	Công Công	31,2 180

**Chương VII**  
**CÔNG TÁC NHẬT, BẢO QUẢN, THIÊU TỬ THI VÔ THỪA NHẬN**  
**VÀ BẢO QUẢN NGHĨA TRANG**

**MT7.01.00 Công tác nhật tử thi vô thừa nhận**

***Thành phần công việc:***

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động.
- Điều khiển xe từ bãi đậu đi đến địa điểm được thông báo.
- Công nhân thực hiện các thao tác: đội mũ, kính mắt, khẩu trang, đeo găng tay,... bọc kín tử thi bằng tấm nylon hoặc vật liệu chống thấm khác. Đưa tử thi lên băng ca và đưa vào trong xe để vận chuyển đến nhà bảo quản xác.

- Vệ sinh phương tiện, cá nhân.

**Bảng số 22:**

*Đơn vị tính: 01 tử thi*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
<b>MT7.01.00</b>	Công tác nhật tử thi vô thừa nhận	<i>Vật tư:</i>			
		- Bao nylon	Tám	2,162	
		- Bao tay cao su	Đôi	2,000	
		- Alcool	Lít	0,507	
		- Xà bông	Kg	0,221	
		- Dầu lạc	Lít	0,101	
		- Băng ca	Cái	0,003	
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	14,321	
		<i>Máy, thiết bị:</i>			
- Xe chuyên dùng nhật tử thi	Ca	0,389			

**MT7.02.00 Công tác bảo quản tử thi vô thừa nhận**

***Thành phần công việc:***

- Hằng ngày công nhân kiểm tra và bảo dưỡng các trang thiết bị của nhà bảo quản xác.

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động.

- Tử thi vô thừa nhận khi chuyển đến nhà bảo quản xác được công nhân đưa vào hệ thống máy làm lạnh bảo quản xác.

- Đem tử thi từ học bảo quản xác đặt lên bàn mổ để cán bộ pháp y tiến hành giải phẫu.

- Vệ sinh cho tử thi và chuyển giao cho bộ phận mai táng để khâm liệm.

- Vệ sinh tẩy trùng toàn bộ khu vực phòng mổ và vệ sinh cá nhân.

**Bảng số 23:**

*Đơn vị tính: 01 tử thi*

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
<b>MT7.02.00</b>	Công tác bảo quản tử thi vô thừa nhận	<i>Vật tư</i>		
		- Xe đẩy xác	Xe	0,002
		- Bao tay cao su	Đôi	2,000

Đơn vị tính: 01 tử thi

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
		- Alcool	Lít	0,611
		- Xà bông	Kg	0,109
		- Dầu lạc	Lít	0,068
		- Băng ca	Cái	0,002
		- Nước tắm xác phòng mổ	Lít	1,476
		- Thuốc sát trùng phòng mổ	Kg	0,079
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ bình quân 4/7	Công	9,882
		<i>Điện năng</i>		
			Kw	76,640
		- Máy ướp xác	Kw	70,830
		- Máy lạnh	Kw	0,722
		- Máy chiếu sáng phòng mổ		
		- Máy hút	Kw	14,860
		- Máy bơm	Kw	0,079

### MT7.03.00 Công tác thiêu tử thi vô thừa nhận

#### Thành phần công việc:

- Hàng ngày, công nhân kiểm tra, bảo quản các trang thiết bị của lò thiêu xác.

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động.

- Khâm liệm xác vào áo quan và trát kín bằng các vật liệu. Áo quan được đưa vào lò thiêu.

- Khi quá trình thiêu kết thúc, tro cốt được chuyển ra ngoài và đựng vào hủ có đánh dấu và chuyển vào phòng lưu trữ.

- Kết thúc quá trình thiêu xác, vệ sinh và khử trùng toàn bộ khu vực thiêu xác. Kiểm tra an toàn hệ thống cấp gas của lò thiêu.

#### Bảng số 24:

Đơn vị tính: 01 tử thi

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT7.03.00	Công tác thiêu tử thi vô thừa nhận	<i>Vật tư:</i>		
		- Áo quan 6 cạnh	Cái	1,000
		- Hủ tro	Cái	1,000
		- Gas	Kg	69,479

		- Điện	Kw	43,464
		- Nước	m <sup>3</sup>	0,055
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	Công	2,603
		<i>Máy, thiết bị:</i>		
		- Lò thiêu gas chuyên dùng	Ca	0,580

#### **MT7.04.00 Công tác bảo quản nghĩa trang**

##### ***Thành phần công việc:***

- Phát quang cỏ dại, xịt thuốc diệt cỏ để hạn chế sự phát triển của cỏ dại.
- Quét dọn vệ sinh khu vực văn phòng và đường nội bộ trong khuôn viên nghĩa trang.
- Trục đêm tuần tra bảo vệ nghĩa trang.
- Khai thông cống rãnh, mương thoát nước trong khuôn viên nghĩa trang.
- Kiểm tra cây xanh, đốn nhánh khô, cắt tia cành, đốn cây bị chết.
- Kiểm tra tình trạng các công trình hạ tầng bên trong và xung quanh phục vụ cho hoạt động của nghĩa trang.
- Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang.

##### ***Bảng số 25:***

*Đơn vị tính: ha/ngày*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Định mức</b>
<b>MT7.04.00</b>	Công tác bảo quản nghĩa trang	<i>Nhân công:</i> Bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,58

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**